

Bản án số: 30/2023/HS-PT

Ngày: 12 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới N Bắc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 808/2022/TLPT- HS ngày 01 - 11 - 2022 đối với bị cáo Trịnh Văn T do có kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo: **Trịnh Văn T**, sinh năm 1983; Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: **B**; Nơi đăng ký thường trú: Ấp 3, xã TĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Ấp 3, xã TĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Phương Tr, sinh năm 1985 và có 05 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 12/4/2022, chuyển tạm giam theo lệnh giam số 56/LTG-PC01 ngày 20 tháng 4 năm 2022 (có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân:

- Ngày 23/6/2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận TP, thành phố Hồ Chí

Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 61/2006/HSST, ngày 18/3/2008 chấp hành xong nộp án phí hình sự sơ thẩm, ngày 17/5/2009 chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 26/3/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 75/2013/HSST, ngày 08/12/2013 chấp hành xong án phạt tù, ngày 10/11/2014 chấp hành xong nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị hại: Anh Chu Văn N, sinh năm 1992 (có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Ấp SC, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Bến xe CM, ấp SC, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư Trần Thanh P – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa)

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trịnh Văn T và anh Nguyễn Văn P có quan hệ quen biết với nhau. P là tài xế xe ô tô tải BKS: 60C- 44808 vận chuyển hàng hóa cho Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. P thường thuê bị cáo T chở hàng thay P khi cần thiết.

Khoảng 21h20’ ngày 12/4/2022, bị cáo T cầm theo một can nhựa có dung tích 10 lít đến bến xe CM. Tại đây, bị cáo T hút dầu Diesel từ xe ô tô tải BKS: 60C-17650 rồi đổ vào bình dầu của xe ô tô tải BKS: 60C-44808, sau đó nổ máy điều khiển ra khỏi bến xe.

Bị cáo T dùng xe ô tô BKS: 60C-44808 chở Nguyễn Xuân T2 đi mua ma túy để sử dụng. Khoảng 23h40’ ngày 12/4/2022, bị cáo T điều khiển xe đi đến đoạn đường lô cao su thuộc ấp 2, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai thì bị P và anh Chu Văn N – bảo vệ bến xe CM bắt giữ, đưa đến Công an xã TĐ, huyện CM lập Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện CM, xác định giá trị: Xe ô tô mang BKS: 60C-44808 là 775.903.000 đồng.

Bản án HSST số 114/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của TAND tỉnh Đồng

Nai quyết định:

“1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

*Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.*

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

*Xử phạt bị cáo: Trịnh Văn T **15 năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2022”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2022, bị cáo Trịnh Văn T kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phân xét hỏi:

Bị cáo Trịnh Văn T giữ nguyên kháng cáo kêu oan và trình bày: Bị cáo không thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX xem xét lại tội danh của bị cáo để tránh xảy ra oan sai.

Người bị hại anh Chu Văn N trình bày: Xác nhận bị cáo khi lấy xe ô tô ra khỏi bãi giữ xe có nói với anh N về việc đi trả chiếc xe đẩy. Theo suy nghĩ của N thì bị cáo không có khả năng, không dám thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì xe ô tô có gắn định vị, xe có đăng ký tên chủ sở hữu.

2. Phân tranh luận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên hình phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo Trần Văn T kháng cáo kêu oan là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Phản đối đáp của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T: Cơ quan tố tụng ở cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót nghiêm trọng trong khâu điều tra, thu thập chứng cứ, từ đó dẫn đến việc xử oan sai đối với bị cáo. Việc bị cáo lấy xe ra khỏi bãi

giữ xe để đi trả chiếc xe đẩy cho chủ sở hữu là có thật. Điều này đã được bị cáo nói với P, N. Sau khi trả chiếc xe đẩy, bị cáo đã sử dụng xe ô tô BKS: 60C-44808 để về trả lại bãi giữ xe, quá trình điều tra chưa làm rõ tình tiết này dẫn đến oan sai cho bị cáo nên đề nghị HĐXX hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ về điều tra lại.

- Phản đối đáp của bị cáo Trịnh Văn T: Đồng ý với phần bào chữa của luật sư chỉ định.

Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Trịnh Văn T, người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T giữ nguyên quan điểm về phần tranh tụng của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

3. Phần bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo xin HĐXX xem xét đúng tội danh mà bị cáo đã thực hiện để đảm bảo tính nghiêm minh, đúng đắn của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Trịnh Văn T thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bị cáo Trịnh Văn T và anh Nguyễn Văn P có quan hệ quen biết với nhau. P là tài xế xe ô tô tải BKS: 60C- 44808 vận chuyển hàng hóa cho Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. P thường thuê bị cáo T chở hàng thay P khi cần thiết.

Khoảng 21h20' ngày 12/4/2022, bị cáo T cầm theo một can nhựa có dung tích 10 lít đến bến xe CM. Tại đây, bị cáo T hút dầu Diesel từ xe ô tô tải BKS: 60C-17650 rồi đổ vào bình dầu của xe ô tô tải BKS: 60C-44808, sau đó nổ máy điều khiển ra khỏi bến xe.

Bị cáo T dùng xe ô tô BKS: 60C-44808 chở Nguyễn Xuân T2 đi mua ma túy để sử dụng. Khoảng 23h40' ngày 12/4/2022, bị cáo T điều khiển xe đi đến đoạn đường lô cao su thuộc ấp 2, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai thì bị P và anh Chu Văn N – bảo vệ bến xe CM bắt giữ, đưa đến Công an xã TĐ, huyện CM

lập Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện CM, xác định giá trị: Xe ô tô mang BKS: 60C-44808 là 775.903.000 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T kêu oan không thừa nhận hành vi phạm tội. Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo T trình bày: P thuê bị cáo T chạy 03 ngày từ ngày 10 đến ngày 12. Nhưng bị cáo T mới chạy được 1 ngày, đến ngày 11 P báo để P chạy. Ngày 10 bị cáo T chạy xe ô tô tải về để xe tại Bến xe CM, bị cáo T có để quên 01 chiếc xe đẩy trên xe ô tô tải. Bị cáo T có liên hệ với P để nói P cho bị cáo lấy xe đẩy thì P nói đợi về rồi tính (lúc này P đang điều khiển xe ô tô tải BKS: 60C-44808 đi chở heo). Sau khi P về và để xe ô tô tải tại bến xe CM, bị cáo T có gọi cho P bảo cho bị cáo T lấy xe ô tô tải chở xe đẩy đi trả thì P bảo đến lấy đi. Bị cáo T cho rằng đêm ngày 12/4/2022, P đã đồng ý cho bị cáo lấy xe ô tô tải chở chiếc xe đẩy đi trả. Bị cáo T yêu cầu được đối chất với P. Xét thấy, lời khai của bị cáo T là phù hợp với các lời khai của người bị hại và những người liên quan khác, cụ thể:

Tại Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn P ngày 13/4/2022 (BL138) P khai: Vào ngày 10/4/2022, P có thuê Trịnh Văn T làm tài xế chạy xe ô tô tải biển số 60C-44808 để chở heo cho Công ty Cổ phần chăn nuôi CP theo tuyến LG đi Tân Hà – Bình Thuận. Thời điểm giao xe cho T thì không có chiếc xe đẩy nào trên xe ô tô tải. Đến 06h00 ngày 11/4/2022 thì T giao xe trả lại P. P thanh toán tiền công cho T và không thuê T chạy xe cho mình nữa. Trên đường chạy xe đi bắt heo ở Tân Hà – Bình Thuận thì nghe T nói là “anh có chiếc xe đẩy gửi trên xe, để đó cho anh” nhưng do đang chạy xe nên P không để ý. Đến 10h cùng ngày đến trại bắt heo ở Tân Hà – Bình Thuận thì P kiểm tra thấy có một chiếc xe đẩy trong xe ô tô tải nên để trong xe luôn. P không rõ xe đẩy trên nguồn gốc từ đâu ra. Đến 22h ngày 11/4/2022, P mang xe tải trên về bãi đậu xe ở bến xe huyện CM. Đến 21h55 phút ngày 12/4/2022 thì P nghe tin báo T lấy trộm xe ô tô tải. P truy tìm và bắt quả tang T cùng người khác đang chạy xe của P tại ấp 3, TĐ, CM. Lúc này, P không thấy xe đẩy trên xe nữa.

Tại Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Phương Tr ngày 13/4/2022 (BL 156) bà Tr khai: Khoảng 18h10 ngày 12/4/2022, trên đường chở con đi công chuyện thì bà Ch cùng cư trú ấp 3, xã TĐ có gặp Tr và nói với Tr về việc T (chồng Tr) đã trộm chiếc xe đẩy hàng tại nhà bà Ch và bị camera an ninh tại nhà ghi nhận lại. Bà Ch kêu Tr về nói với T nếu có trót lấy hay đem bán rồi thì hãy trả lại tài sản cho bà Ch, nếu không thì bà Ch sẽ báo nội dung vụ việc cho cơ quan công an.

Sau đó, Tr về nhà gặp T báo lại sự việc như bà Ch đã nói thì T nói là không biết.

Tại Biên bản ghi lời khai của bà Huỳnh Thị Ngọc C ngày 18/4/2022 (BL 152) bà Ch khai: Gia đình bà Ch có một chiếc xe đẩy hàng cũ thường bỏ phía dưới gốc cây trứng cá nằm phía trước cửa hàng nơi bà Ch buôn bán. Ngày 10/4/2022, bà Ch cần dùng xe đẩy để đẩy hàng nhưng không thấy xe. Ngày 12/4/2022, bà Ch thấy xe đẩy hàng được trả lại và được đặt ở vị trí cũ trước nhà bà Ch.

Như vậy, lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của P, bà Ch, bà Tr về việc bị cáo T lấy xe đẩy của bà Ch để trên xe ô tô tải BKS 60C-44808. Đêm ngày 12/4/2022, trước khi bị P, N bắt bị cáo T đã dùng xe ô tô tải chở chiếc xe đẩy đi trả cho bà Ch. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T khai bị cáo T có điện thoại cho P để xin P cho bị cáo T lấy xe ô tô tải để chở xe đẩy đi trả, nếu không trả ngay trong đêm thì bà Ch báo công an bắt T nên T sợ. Vấn đề này cơ quan điều tra chưa làm rõ, chưa đối chất giữa P và bị cáo T, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T tiếp tục yêu cầu được đối chất với P nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, P vắng mặt nên không thể T hành đối chất trực tiếp với bị cáo T.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo T khai lúc lấy xe ô tô tải, bị cáo T có nói với N là bị cáo lấy xe ô tô tải chở xe đẩy đi trả, N lên kiểm tra có xe đẩy rồi mới cho bị cáo T lấy xe ô tô đi.

Tại phiên tòa sơ thẩm khi được hỏi: Khi T đi có trình giấy tờ gì không? thì N trả lời: Lịch trình thì bữa đó đi sớm nên hỏi thì T báo lấy xe đi chở xe gì đó. Khi được hỏi: tại sao nghi ngờ T? thì N trả lời: Do hôm 11 T đã mang xe về trả bến, sau đó hôm 12 mãi 9 giờ tối bị cáo mới lấy xe, N có hỏi bị cáo nói: **“Ừ, hôm nay lái xe đi lấy hàng sớm, cũng có nói là để đi trả xe đẩy”**.

Tại Biên bản ghi lời khai của anh Chu Văn N ngày 21/4/2022 (BL 86) N khai: Do khi T mang xe đến trả cho N (xe mô tô) sau đó ngồi chơi nói chuyện ở khu vực bãi để xe mô tô với N, lúc đó N có hỏi T là **“Nay anh chạy xe hả? Có lệnh chở hả?”** thì T nói **“Ừ”**. Lúc này N nghĩ rằng T được xe nào đó thuê chở heo. Vì T thường được một số xe tải trong bến N quản lý thuê chạy nên N nghĩ T được thuê chạy xe nên khi T trộm dầu xe khác rồi điều khiển xe ô tô 60C-44808 chạy ra khỏi bến thì N nghĩ là P thuê chạy.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 04/6/2022 của anh Chu Văn N (BL 88) N khai: T vừa xách can dầu lại chỗ N và nói **“N ơi mày tha cho anh”** rồi xách can dầu leo lên xe ô tô BKS 60C-44808 nổ máy và điều khiển xe chuẩn bị chạy ra khỏi bến xe. Lúc này N hỏi **“Nay anh chạy xe hả? Có lệnh chở hả”** thì T đáp

lại “Ừ”, N nghĩ rằng lúc đó T được thuê chạy xe như mọi ngày nên đã cho T chạy xe ra khỏi bến xe.

Như vậy, lời khai của N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là không thống nhất và có mâu thuẫn về việc T có lừa dối N để lấy xe ra khỏi bến xe hay không. Đồng thời qua lời khai của N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm N xác nhận bị cáo T có nói với N về việc lấy xe ô tô tải để đi trả xe đầy. Nhưng quá trình điều tra và tại cấp sơ thẩm chưa đối chất giữa bị cáo T và N để làm rõ N có kiểm tra thấy có chiếc xe đầy mới đồng ý cho bị cáo T chạy xe ra khỏi bến như lời bị cáo T trình bày hay không? Quá trình điều tra Chưa xác minh làm rõ Bến xe CM có lắp đặt camera an ninh hay không? Chưa làm rõ sự việc quá trình T nói chuyện với N, lấy xe ra khỏi bến xe có được camera an ninh ghi lại hay không? Chưa thu thập chứng cứ do camera lưu giữ lại. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những nội dung trên mà chỉ căn cứ vào lời khai của N: Thấy T lấy xe đi, N hỏi **“Nay anh chạy xe hả?”** thì T “Ừ” để xác định bị cáo T có hành vi gian dối khi điều khiển xe ô tô tải ra khỏi bến là chưa có căn cứ.

[2.4] Tại Biên bản ghi lời khai của anh Chu Văn N ngày 13/4/2022 (BL 85) N khai: P chạy ra gặp N và mở định vị lên xem thì phát hiện xe ô tô tải 60C-44808 đang chạy về hướng BC, LT, Đồng Nai. Lúc N và P chạy theo hướng xe đang di chuyển thì thấy xe chuyển hướng đi về phía ấp 8 TĐ, CM sau đó qua ấp 4, TĐ, CM. Khi xe di chuyển đến ấp 3 TĐ, CM thì N và P chặn được xe.

Tại Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Văn P ngày 12/4/2022 (BL 141) P khai: Sau khi phát hiện xe bị mất trộm N cùng với bảo vệ theo dõi định vị phát hiện xe bị đối tượng chạy vào hướng BC, sau đó theo dõi định vị phát hiện xe chạy về ấp 8 qua ấp 4 vào ấp 3 xã TĐ khi đến đoạn đường ngang Giáo xứ T thuộc ấp 3 xã TĐ, N và bảo vệ bến xe chặn ngang đường thì đối tượng buông tay lái mở cửa chạy khỏi xe.

Lời khai của N và P về lịch trình xe ô tô chạy phù hợp với lời khai của bị cáo T về việc sau khi dùng xe ô tô tải chở xe đầy đi trả thì bị cáo T dùng xe ô tô tải đi mua ma túy ở BC, LT, Đồng Nai đang trên đường về Bến xe CM để trả xe thì bị bắt. Cơ quan điều tra chưa làm rõ hành trình xe chạy. Cơ quan điều tra và Bản án sơ thẩm xác định bị cáo T chở T2 đi đến đoạn đường lô cao su thuộc Ấp 2 xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai thì bị P và N đuổi theo bắt giữ là có mâu thuẫn với lời khai của N và P về vị trí T bị bắt. Nhưng Cơ quan điều tra và Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ liệu định vị hành trình xe ô tô tải 60C-44808 để làm rõ khi N và P bắt T thì có phải T đang trên đường đi theo hướng về Bến xe CM hay không mà kết luận T bị bắt khi đang trên đường bỏ trốn là chưa có cơ sở.

[3] Do việc điều tra chưa đầy đủ, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T và nội dung bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Lưu ý, khi điều tra xác định chính xác tội danh đối với hành vi mà bị cáo thực hiện, đồng thời cần xem xét lại tư cách của người bị hại, tư cách tham gia tố tụng của những người tham gia tố tụng khác để đảm bảo vụ án được giải quyết đúng quy định pháp luật.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn T. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo quy định pháp luật.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trịnh Văn T cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý lại hồ sơ vụ án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VP, HS (ĐTM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn